

SỞ Y TẾ TP HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN AN BÌNH

Số: 314/TB-BVAB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 4 năm 2024

YÊU CẦU BÁO GIÁ

V/v Báo giá Thiết kế và in ấn biểu mẫu phục vụ công tác chuyên môn năm 2024-2025

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện An Bình có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho dự toán mua sắm “Thiết kế và in ấn biểu mẫu phục vụ công tác chuyên môn năm 2024-2025” với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện An Bình. Địa chỉ: 146 An Bình P.7 Q.5 TP.HCM
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: người nhận: Phạm Quốc Anh, chuyên viên Tổ mua sắm – SĐT: 097 844 8683.
- Cách thức tiếp nhận báo giá: Quý đơn vị thực hiện gửi mail qua email: tms.bvab@gmail.com và hồ sơ chào giá bản giấy có ký tên, đóng dấu về địa chỉ sau: Tổ mua sắm – Bệnh viện An Bình. Địa chỉ: 146 An Bình P.7 Q.5 TP.HCM. Người nhận: Phạm Quốc Anh – SĐT: 097 844 8683.
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: bắt đầu từ lúc ra thông báo đến trước 16:00 ngày 23 tháng 04 năm 2024
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu **90 ngày**, kể từ ngày nhận báo giá

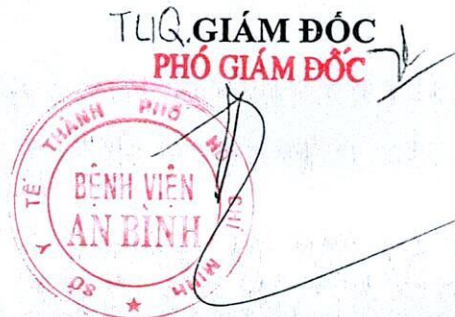
II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục thiết bị: Chi tiết tại Phụ lục Danh mục hàng hóa
- Các thông tin khác:
 - + Thư chào giá, bảng báo giá của nhà thầu (có ký tên, đóng dấu) theo mẫu của công ty; ghi rõ ngày tháng năm và đóng dấu giáp lai (nếu trên 02 tờ giấy)
 - + Hồ sơ pháp lý, hồ sơ năng lực của nhà thầu;
 - + Hợp đồng trúng thầu còn hiệu lực hoặc ký từ năm 2022 trở về sau hoặc thông báo trúng thầu;

Trân trọng ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TMS; (PQA.03b)



Vũ Minh Đức

PHỤ LỤC 1: DANH MỤC HÀNG HÓA

Gói thầu: Thiết kế và in ấn biểu mẫu phục vụ công tác chuyên môn năm 2024-2025

(Kèm theo Yêu cầu báo giá số: 314/TB-BVAB, ngày 16 / 4 /2024)

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả/quy cách	ĐVT	Số lượng dự trù
1	Bài tập cột sống cổ	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A4, in 1 màu, 2 mặt	Tờ	2.000
2	Bài tập cột sống thắt lưng	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A4, in 1 màu, 2 mặt	Tờ	2.000
3	Bảng câu hỏi người bệnh tự trả lời trước khi gây mê/tê	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A4, in 1 màu, 2 mặt	Tờ	15.000
4	Bảng hướng dẫn chuẩn bị bệnh nhân trước khi đưa vào phòng mổ	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A4, in 1 màu, 1 mặt	Tờ	2.000
5	Bảng kiểm an toàn phẫu thuật	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A4, in 1 màu, 1 mặt	Tờ	17.000
6	Bảng kiểm an toàn phẫu thuật, thủ thuật (Khoa Mắt)	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A4, in 1 màu, 1 mặt	Tờ	3.000
7	Bảng kiểm soát người bệnh trước khi đưa vào phòng mổ (mặt trước)/ Bảng kiểm y dụng cụ - gòn gác trong phẫu thuật (mặt sau)	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A4, in 1 màu, 2 mặt (mặt trước có nội dung khác với mặt sau)	Tờ	14.000
8	Bảng kiểm tra dụng cụ - gác	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A4, in 1 màu, 1 mặt	Tờ	7.000
9	Bảng kiểm trước tiêm chủng đối với đối tượng ≥ 1 tháng tuổi tại các cơ sở tiêm chủng thuộc bệnh viện	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A4, in 1 màu, 1 mặt	Tờ	2.000
10	Bảng kiểm trước tiêm chủng đối với đối tượng từ 1 tháng tuổi trở lên tại các cơ sở tiêm chủng thuộc bệnh viện	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A4, in 1 màu, 1 mặt	Tờ	2.000
11	Bảng kiểm trước tiêm chủng đối với người lớn	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A4, in 1 màu, 1 mặt	Tờ	2.000
12	Bảng kiểm trước tiêm chủng đối với trẻ dưới 1 tháng tuổi tại các cơ sở tiêm chủng thuộc bệnh viện	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A4, in 1 màu, 2 mặt	Tờ	2.000
13	Bảng theo dõi chăm sóc cấp I	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A3, in 1 màu, 2 mặt	Tờ	15.000
14	Báo cáo tình hình hoạt động	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A5, in 1 màu, 1 mặt	Tờ	10.000
15	Bao đựng phim MSCT (38cm x 52cm)	Nylon màu xanh lá, in 2 mặt, kích thước 38cm x 52cm	Cái	5.000
16	Bao đựng phim X quang (31cm x 42cm)	Giấy bìa cứng màu xanh dương định lượng 110 gsm, in 1 mặt, kích thước 31cm x 42cm	Cái	85.000

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả/quy cách	ĐVT	Số lượng dự trữ
17	Bao thư (12cm x 18cm)	Giấy Fo trắng 80 gsm, độ trắng ≥ 90 , in chữ màu xanh dương, kích thước 12cm x 18cm	Cái	3.000
18	Bao thư (12cm x 22cm)	Giấy Fo trắng 80 gsm, độ trắng ≥ 90 , in chữ màu xanh dương, kích thước 12cm x 22cm	Cái	1.000
19	Bao thư (18cm x 24cm)	Giấy Fo trắng 100 gsm, độ trắng ≥ 90 , in chữ màu xanh dương, kích thước 18cm x 24cm	Cái	1.000
20	Bao thư (25cm x 34cm)	Giấy Fo trắng 100 gsm, độ trắng ≥ 90 , in chữ màu xanh dương, kích thước 25 cm x 34cm	Cái	1.000
21	Bệnh án mắt (bán phần trước)	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A3, in 2 tờ 1 màu, 2 mặt	Bộ	4.000
22	Bệnh án ngoại khoa	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A3, in 1 màu, 2 mặt	Tờ	10.000
23	Bệnh án ngoại trú	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A3, in 1 màu, 2 mặt	Tờ	1.000
24	Bệnh án nội khoa	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A3, in 1 màu, 2 mặt	Tờ	32.000
25	Bệnh án nội trú YHCT	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A4, in 4 tờ 1 màu, 2 mặt	Bộ	1.000
26	Bệnh án phụ khoa	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A3, in 1 màu, 2 mặt	Tờ	1.000
27	Bệnh án sản khoa	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A3, in 1 màu, 2 mặt	Tờ	2.000
28	Bệnh án sơ sinh	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A3, in 1 màu, 2 mặt	Tờ	1.000
29	Bệnh án Tai Mũi Họng	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A3, in 1 màu, 2 mặt	Tờ	1.500
30	Bìa đựng hồ sơ	Giấy Fo trắng 120 gsm, chữ in 2 màu, in 2 mặt, kích thước 25cmx35cm. Hình thức giống bao thư.	Cái	2.000
31	Bìa Sổ khám bệnh	Giấy Couche 280, tay gấp 5cm, in 4 màu, có đồ kẹp hồ sơ, bẻ thành phẩm, kích thước 24cm x 46cm	Cái	60.000
32	Biên bản hủy thuốc do không sử dụng hết đơn vị đóng gói nhỏ nhất	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A4, in 1 màu, 1 mặt	Tờ	9.000
33	Biểu đồ chuyển dạ	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A4, in 1 màu, 1 mặt	Tờ	1.000
34	Decal màu dán thùng đựng chất thải lây nhiễm	In decal màu, khổ giấy A5	Tờ	2.000
35	Decal màu dán thùng đựng chất thải tái chế	In decal màu khổ giấy A5	Tờ	1.000
36	Decal màu dán thùng đựng chất thải thông thường	In decal màu, khổ giấy A5	Tờ	3.000

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả/quy cách	ĐVT	Số lượng dự trữ
37	Đơn thuốc	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A5, in 1 màu, 1 mặt	Tờ	40.000
38	Giấy cam kết chấp thuận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A4, in 1 màu, 1 mặt	Tờ	44.000
39	Giấy cam kết chuyển cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A4, in 1 màu, 1 mặt	Tờ	2.200
40	Giấy cam kết điều trị theo yêu cầu	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A5, in 1 màu, 1 mặt	Tờ	2.000
41	Giấy cam kết ra viện không theo chỉ định của bác sĩ	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A4, in 1 màu, 2 mặt	Tờ	2.200
42	Giấy cam kết từ chối sử dụng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A4, in 1 màu, 1 mặt	Tờ	2.200
43	Giấy chứng nhận chích ngừa BCG + VGSVB1	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A5, in 1 màu, 1 mặt	Tờ	2.000
44	Giấy chứng nhận phẫu thuật	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A5, in 1 màu, 2 mặt	Tờ	2.000
45	Giấy cung cấp thông tin và cam kết chung về nhập viện nội trú	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A4, in 1 màu, 2 mặt	Tờ	25.000
46	Giấy khám chữa bệnh theo yêu cầu	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A4, in 1 màu, 1 mặt	Tờ	3.000
47	Giấy khám sức khỏe cho người dưới 18 tuổi	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A3, in 1 màu, 2 mặt (theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ y tế)	Tờ	2.000
48	Giấy khám sức khỏe người đủ 18 tuổi	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A4, in 1 màu, 2 mặt (theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ y tế)	Tờ	22.000
49	Giấy khám sức khỏe của người lái xe	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A3, in 1 màu, 2 mặt	Tờ	10.000
50	Giấy xác nhận	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A4, in 1 màu, 100 tờ/cuốn, răng cưa, bìa giấy Thái	Cuốn	20
51	Hồ sơ bệnh án	Bìa Thái màu vàng, kích thước 32cm x 46cm, in 2 mặt, may gáy 10 tờ có in số thứ tự 2 mặt	Bộ	45.000
52	Kế hoạch sau gây mê - phẫu thuật	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A4, in 1 màu, 1 mặt	Tờ	2.000
53	Nhãn rác	Decal màu vàng, khổ A5, in 1 màu 1 mặt, chữ đen	Tờ	1.500
54	Phiếu bàn giao người bệnh chuyển khoa (dành cho bác sĩ)	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A4, in 1 màu, 1 mặt	Tờ	30.000
55	Phiếu báo phẫu thuật cấp cứu	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A5, in 1 màu, 1 mặt	Tờ	5.000
56	Phiếu chăm sóc	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A4, in 1 màu, 2 mặt	Tờ	80.000
57	Phiếu chấp nhận gây mê/tê	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A4, in 1 màu, 1 mặt	Tờ	16.000

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả/quy cách	ĐVT	Số lượng dự trữ
58	Phiếu công khai dịch vụ khám chữa bệnh nội trú	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A4, in 1 màu, 2 mặt, in khổ dọc	Tờ	3.500
59	Phiếu công khai thuốc, vật tư y tế bệnh nội trú	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A4, in 1 màu, 2 mặt, in khổ ngang	Tờ	1.000
60	Phiếu công tác	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A5, in 1 màu, 100 tờ/cuốn, răng cưa, bìa giấy Thái	Cuốn	20
61	Phiếu cung cấp thông tin người bệnh tại khoa Hồi sức tích cực	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A4, in 1 màu, 1 mặt	Tờ	1.000
62	Phiếu đăng ký	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A5, in 1 màu, 1 mặt	Tờ	52.000
63	Phiếu đăng ký phẫu thuật theo kế hoạch	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A4, in 1 màu, 1 mặt	Tờ	12.000
64	Phiếu đánh giá tình trạng dinh dưỡng	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A4, in 1 màu, 2 mặt	Tờ	50.000
65	Phiếu đánh giá tình trạng dinh dưỡng (Dùng cho bệnh phụ khoa)	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A4, in 1 màu, 2 mặt	Tờ	1.000
66	Phiếu đánh giá tình trạng dinh dưỡng (Dùng cho phụ nữ mang thai)	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A4, in 1 màu, 2 mặt	Tờ	2.000
67	Phiếu điện tim	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A4, in 1 màu, 2 mặt	Tờ	65.000
68	Phiếu điều trị (Răng-Hàm-Mặt)	Giấy Couche 250 gsm, khổ A5, in 1 màu, 2 mặt	Tờ	7.000
69	Phiếu điều trị sơ sinh (sau sinh)	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A4, in 1 màu, 2 mặt, 3 trang A4	Tờ	2.000
70	Phiếu đo chức năng hô hấp	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A5, in 1 màu, 1 mặt	Tờ	2.000
71	Phiếu dự trữ và cung cấp máu cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A4, in 1 màu, 1 mặt	Tờ	11.000
72	Phiếu gây mê hồi sức	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A4, in 1 màu, 2 mặt	Tờ	7.500
73	Phiếu hẹn (Khoa Răng Hàm Mặt)	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A5, in 1 màu, 2 mặt	Tờ	7.000
74	Phiếu hướng dẫn theo dõi trẻ sau tiêm vắc-xin dành cho phụ huynh	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A5, in 1 màu, 2 mặt	Tờ	1.000
75	Phiếu khám bệnh vào viện	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A4, in 1 màu, 2 mặt	Tờ	45.000
76	Phiếu khám chuyên khoa	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A4, in 1 màu, 1 mặt	Tờ	3.000
77	Phiếu khám tiền mê	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A4, in 1 màu 1 mặt	Tờ	15.000
78	Phiếu khám và chỉ định phục hồi chức năng	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A4, in 1 màu, 1 mặt	Tờ	3.000

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả/quy cách	ĐVT	Số lượng dự trữ
79	Phiếu lãnh vật tư y tế tiêu hao	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A4 đứng, in 1 màu, 1 mặt, 100 tờ/cuốn (bìa giấy Thái, đóng kim, dập răng cưa)	Cuốn	30
80	Phiếu lượng giá hoạt động chức năng và sự tham gia	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A4, in 1 màu, 1 mặt	Tờ	2.500
81	Phiếu nhận định phân loại người bệnh tại khoa Cấp cứu	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A4, in 1 màu, 2 mặt, 4 trang A4	Tờ	25.000
82	Sổ phẫu thuật thủ thuật (Khoa Phẫu thuật)	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A4, in 1 màu, 100 tờ/cuốn, bìa giấy Thái	Cuốn	100
83	Phiếu ra công	Giấy carbonless 2 liên trắng - xanh, khổ A5, 100 tờ/cuốn, bìa giấy Thái	Cuốn	10
84	Phiếu siêu âm mắt	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A5, in 1 màu, 1 mặt	Tờ	5.000
85	Phiếu sơ kết 15 ngày điều trị	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A4, in 1 màu, 1 mặt	Tờ	10.000
86	Phiếu tai nạn thương tích	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A4, in 1 màu, 1 mặt	Tờ	1.300
87	Phiếu theo dõi - chăm sóc phục hồi chức năng	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A4 ngang, in 1 màu, 2 mặt	Tờ	6.000
88	Phiếu theo dõi chức năng sống	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A4, in 1 màu, 2 mặt	Tờ	40.000
89	Phiếu theo dõi điều trị	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A4, in 1 màu, 2 mặt	Tờ	130.000
90	Phiếu theo dõi truyền dịch	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A4, in 2 mặt, 1 màu	Tờ	50.000
91	Phiếu theo dõi vật tư trang thiết bị	Bìa Thái màu vàng, khổ A4, in 1 màu 2 mặt	Tờ	500
92	Phiếu thực hiện giảm đau sản khoa	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A4, in 1 màu, 1 mặt	Tờ	1.800
93	Phiếu tiến trình xét nghiệm vi sinh	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A4, in 1 màu, 2 mặt	Tờ	10.000
94	Phiếu truyền máu	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A4, in 1 màu, 1 mặt	Tờ	10.000
95	Phiếu tư vấn giải thích	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A4, in 1 màu, 2 mặt	Tờ	40.000
96	Phiếu tư vấn giáo dục sức khỏe cho người bệnh và người nhà người bệnh	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A5, in 1 màu, 2 mặt	Tờ	35.000
97	Phiếu xác nhận đồng ý xét nghiệm HIV	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A5, in 1 màu, 1 mặt	Tờ	1.500
98	Phiếu xét nghiệm sinh thiết	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A4, in 1 màu, 2 mặt	Tờ	8.000
99	Phiếu xét nghiệm	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A5, in 1 màu, 1 mặt	Tờ	20.000

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả/quy cách	ĐVT	Số lượng dự trữ
100	Phiếu xét nghiệm vi khuẩn lao	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A4, in 1 màu, 2 mặt	Tờ	5.000
101	Phiếu xin sửa chữa	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A5, in 1 màu, 1 mặt, 100 tờ/cuốn, bìa giấy Thái, dập răng cưa	Cuốn	40
102	Phiếu xin xe ô tô cứu thương	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A5, in 1 màu, 100 tờ/cuốn, dập răng cưa, bìa giấy Thái	Cuốn	20
103	Phiếu yêu cầu cung cấp (vật tư, máy móc thiết bị thông dụng)	Giấy carbonless 2 liên trắng - xanh, khổ A4, 100 tờ/cuốn, bìa giấy Thái, đóng số nhảy	Cuốn	40
104	Phiếu yêu cầu sửa chữa	Giấy carbonless 2 liên trắng - hồng, khổ A4, 100 tờ/cuốn, bìa giấy Thái, đóng số nhảy	Cuốn	40
105	Sổ bàn giao bệnh nhân vào khoa	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A5, in 1 màu, 100 tờ/cuốn, bìa giấy Thái	Cuốn	40
106	Sổ bàn giao người bệnh chuyển viện	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A5, in 1 màu, 100 tờ/cuốn, bìa giấy Thái	Cuốn	40
107	Sổ bàn giao thuốc thường trực	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A4, in 1 màu, 100 tờ/cuốn, may chỉ, bìa giấy Thái	Cuốn	100
108	Sổ bàn giao y dụng cụ	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A4, in 1 màu, 100 tờ/cuốn, bìa giấy Thái	Cuốn	100
109	Sổ biên bản hội chẩn	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A4, in 1 màu, 100 tờ/cuốn, bìa giấy Thái	Cuốn	40
110	Sổ biên bản kiểm thảo tử vong	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A4, in 1 màu 2 mặt, 100 tờ/cuốn, bìa giấy Thái	Cuốn	22
111	Sổ đăng ký bí mật nhà nước đến	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A4, in 1 màu đen, 100 tờ/cuốn, bìa giấy Thái	Cuốn	1
112	Sổ đăng ký bí mật nhà nước đi	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A4, in 1 màu đen, 100 tờ/cuốn, bìa giấy Thái	Cuốn	1
113	Sổ đi buồng	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A4, in 1 màu, 100 tờ/cuốn, bìa giấy Thái	Cuốn	90
114	Sổ hợp giao ban	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A4, in 1 màu xanh, 100 tờ/cuốn, bìa giấy Thái	Cuốn	200
115	Sổ khám bệnh	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A4, in 1 màu, bìa giấy Thái	Cuốn	40

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả/quy cách	ĐVT	Số lượng dự trữ
116	Sổ khám sức khỏe định kỳ	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , 16 tờ khổ A4, in 1 màu 2 mặt, bìa giấy Thái (kèm theo thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế)	Cuốn	5.000
117	Sổ khám thai	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A3, in 1 màu, 100 tờ/cuốn, may chỉ, bìa giấy Thái	Cuốn	10
118	Sổ kiểm tra	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A4, in 1 màu, 100 tờ/cuốn, bìa giấy Thái	Cuốn	30
119	Sổ lý lịch máy	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A5, in 1 màu đen, 6 tờ/cuốn, bìa giấy Thái	Cuốn	500
120	Sổ mời hội chẩn	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A5, in 1 màu, 100 tờ/cuốn, bìa giấy Thái	Cuốn	20
121	Sổ nội soi	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A4, in 1 màu đen, 100 tờ/cuốn may giữa, bìa giấy Thái	Cuốn	20
122	Sổ phẫu thuật	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A4, in 1 màu, 100 tờ/cuốn, bìa giấy Thái	Cuốn	18
123	Sổ phiếu yêu cầu xét nghiệm	Giấy Fo 70, độ trắng ≥ 90 , khổ A4, in 1 màu 2 mặt, 100 tờ/cuốn, may gáy, bìa giấy Thái	Cuốn	10
124	Sổ sai sót chuyên môn	Giấy Fo 70, độ trắng ≥ 90 , khổ A5, in 1 màu 2 mặt, 100 tờ/cuốn, bìa giấy Thái	cuốn	10
125	Sổ sanh	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , Khổ A3, in 1 màu, 2 mặt	Cuốn	10
126	Sổ sinh hoạt hội đồng bệnh nhân	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A5, in 1 màu, 100 tờ/cuốn, bìa giấy Thái	Cuốn	26
127	Sổ theo dõi cấp Giấy báo tử	Giấy Fo 80 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A4, in 1 màu 1 mặt, 100 tờ/cuốn, có dập răng cưa, bìa cứng giấy Couche 250gsm	Cuốn	3
128	Sổ theo dõi tài sản cố định và công cụ, dụng cụ tại nơi sử dụng	Giấy Fo 70, độ trắng ≥ 90 , khổ A4, in 1 màu 2 mặt, 100 tờ/cuốn, bìa giấy Thái	cuốn	5
129	Sổ thủ thuật	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A4, in 1 màu đen, 100 tờ/cuốn may giữa, bìa giấy Thái	Cuốn	30
130	Sổ tổng hợp thuốc hàng ngày	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A3, in 1 màu, may chỉ, có trang bìa	Cuốn	50

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả/quy cách	ĐVT	Số lượng dự trữ
131	Sổ văn bản đến	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A4, in 1 màu đen, 100 tờ/cuốn, may giữa, bìa giấy Thái	Cuốn	30
132	Sổ văn bản đi	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A4, in 1 màu đen, 100 tờ/cuốn, may giữa, bìa giấy Thái	Cuốn	30
133	Sổ vào viện - ra viện - chuyển viện	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A3, in 1 màu, 100 tờ/cuốn, bìa giấy Thái	Cuốn	60
134	Sổ xét nghiệm	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A4, in 1 màu, 100 tờ/cuốn, bìa giấy Thái	Cuốn	20
135	Thẻ dị ứng	Giấy Thái màu hồng, khổ A5, in 1 màu, 2 mặt	Tờ	100
136	Tờ cam kết đồng ý chỉch thuốc cản quang	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A5, in 1 màu, 2 mặt	Tờ	14.000
137	Tờ cam kết xin về	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A4, in 1 màu, 2 mặt	Tờ	10.000
138	Tờ khai trước tiêm chủng dành cho cha mẹ và người chăm sóc	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A5, in 1 màu, 1 mặt	Tờ	1.000
139	Trích biên bản hội chẩn	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A4, in 1 màu, 1 mặt	Tờ	25.000
140	Trích biên bản kiểm thảo tử vong	Giấy Fo 70 gsm, độ trắng ≥ 90 , khổ A4, in 1 màu, 1 mặt	Tờ	1.100
141	Túi giấy đựng thuốc lớn	Giấy Kraft 180 gsm nâu, in 2 màu, kích thước 28*22*11 cm, quai giấy, bế dán thành phẩm	cái	3.000
142	Túi giấy đựng thuốc nhỏ	Giấy Kraft 180 gsm nâu, in 2 màu, kích thước 24*18*9 cm, quai giấy, bế dán thành phẩm	cái	3.000



PHỤ LỤC 2: MẪU BÁO GIÁ
(Kèm theo Yêu cầu báo giá số: 314 /TB-BVAB ngày 16 / 4 /2024)

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của nhà cung cấp; trường hợp nhiều nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá Thiết kế và in ấn biểu mẫu phục vụ công tác chuyên môn năm 2024-2025 như sau:

1. Báo giá Thiết kế và in ấn biểu mẫu phục vụ công tác chuyên môn năm 2024-2025

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Đơn vị tính	Đơn giá	Thành tiền
1					
...					
Tổng cộng					

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm... [ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp⁽²⁾
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.